TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 07 -8-2018
"V/v Ly hôn và tranh chấp chia tài sản khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG,
TỈNH TRÀ VINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Bá Thi
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Văn Được
2. Ông Mai Thanh Chúc

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Kim Đầy, là thư kýToà án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh*** *tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2016/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 01 năm 2016 về tranh chấp "Ly hôn và tranh chấp chia tài sản khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/QĐXXST- HNGĐ, ngày 22 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1967.
Địa chỉ: khóm 4, thị trấn M, huyện C, tỉnh Trà Vinh**.** (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Trương Văn H, sinh năm 1963.

Địa chỉ: khóm 4, thị trấn M , huyện C, tỉnh Trà Vinh.(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên phiên Tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày :

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn M ngày 25/12/2002. Khi tiến đến hôn nhân có quen nhau được 01 năm và đồng ý tiến hành lễ cưới theo phong tục tập quán. Do bất đồng quan điểm trong đời sống vợ chồng về mặt ứng xử giao tiếp và lối sống nguyên nhân do anh H không thật lòng, không chăm lo cho gia đình dẫn đến vợ chồng cải vả, gây

gỗ nhiều lần cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Tôi và anh H ly thân được 02 năm.

Về hôn nhân: Chị C yêu cầu được ly hôn với anh Trương Văn H.

Về nuôi con tên: Trương Thanh T, sinh ngày 15/3/1989 đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung vợ chồng: Chị C tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về số nợ phải thu, phải trả: Không có không tranh chấp, không khởi kiện.

Ngoài ra chị C không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa bị đơn anh Trương Văn H vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên không có lời trình bày.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: về thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần phiên họp, thành phần hòa giải và thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều đúng quy định pháp luật. văn bản tố tụng từ khi nhận đơn cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tống đạt đầy đủ cho các đương sự nhận. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đầy đủ đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị C. Về cấp con chung đã thành niên, về số nợ phải thu phải trả không ai tranh chấp nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung chị C rút yêu cầu nên đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị C. Buộc chị C phải chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[**1**] **Về quan hệ pháp luật:** Xét đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị C khởi kiện tranh chấp ly hôn và chia tài sản chung với anh H. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Ly hôn và tranh chấp về chia tài sản chung*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[**2**] **Về thủ tục tố tụng**: Tòa án triệu tập hợp lệ bị đơn anh Trương Văn H lần thứ 2 nhưng anh H vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[**3**] **Về quan hệ hôn nhân** : Xét thấy chị C và anh H xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật và chị C đã giao nộp chứng cứ là bản chính Giấy chứng nhận kết hôn của chị và anh H nên xác định hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Thời gian vợ chồng chung sống có nhiều bất đồng về quan điểm sống và cách ứng xử trong đời sống hôn nhân, quan hệ với cha mẹ của vợ nên phát sinh mâu thuẫn vợ chồng không hàn gắn được. Nay chị C xác định tình cảm không

còn với anh H do bất đồng quan điểm sống vợ chồng nên xin ly hôn anh H và vợ chồng ly thân từ năm 2015 đến nay. Tòa án mở phiên họp để hòa giải đoàn tụ vợ chồng anh H thống nhất ly hôn với chị C vì mâu thẫn trầm trọng, từ đó cho thấy việc hàn gắn đoàn tụ vợ chồng của chị C và anh H là không kết quả.

Mặt khác, tại phiên tòa chị C xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị C xin ly hôn anh H là có cơ sở. Căn cứ vào các Điều 51 ,56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C.

[**4**] **Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con**: Con chung Trương Thanh T đã thành niên không có yêu cầu nên không xem xét.

[**5**] **Về tài sản chung:** Tại phiên tòa hôm nay, chị C rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung và việc rút yêu cầu này của chị C là tự nguyện. Căn cứ vào Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đương sự đã rút. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí về chia tài sản chung cho chị C.

Về số nợ phải thu phải trả: không yêu cầu nên Hội đồng không xem xét giải quyết.

[**6**] **Về án phí hôn nhân sơ thẩm:** Buộc chị Nguyễn Thị C có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật.

[**7**] **Về chi phí thẩm định và định giá tài sản:** Chị Nguyễn Thị C tự nguyện chịu 3.807.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, các Điều 228, 235, 244, 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 19,51,53, 54,56,57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị C.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn với anh Trương Văn H

- Về con chung: Đã thành niên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- **Về tài sản chung:** Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu về chia tài sản chung của chị Nguyễn Thị C.

- Về số nợ phải thu phải trả: không khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Hoàn trả chị Nguyễn Thị C 1.800.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số thu tiền số 0000845 ngày 04/01/2016 do chị Nguyễn Thị nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện C thu.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị C có nghĩa vụ nộp 200.000 đồng nhưng được trừ vào 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0000845 ngày 04/01/2016 do chị Nguyễn Thị C nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện C . Chị Nguyễn Thị C nộp đủ án phí.

-Về chi phí thẩm định và định giá tài sản: Chị Nguyễn Thị C tự nguyện chịu 3.807.000 đồng và đã nộp xong nên không phải nộp thêm.

-Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai theo quy định tại Điều 179 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự"

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T;
- VKS huyện C;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND TT M;.
- Các đương sự
- Lưu HSVA, VP

Bùi Bá Thi